

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5438/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình hành động của Ngành Y tế triển khai thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 13/01/2014 của Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc trong lĩnh vực y tế

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 13/01/2014 của Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc trong lĩnh vực y tế;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch-Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Ngành Y tế triển khai thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 13/01/2014 của Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc trong lĩnh vực y tế.

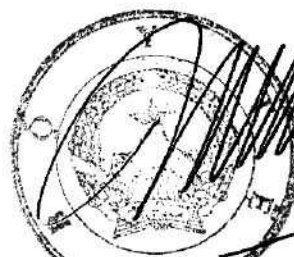
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông, bà Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng, Tổng cục trưởng các Vụ, Cục, Tổng cục, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Y tế;
- Công TTĐT Bộ Y tế;
- Lưu: VT, KH-TC2.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Kim Tiên

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA NGÀNH Y TẾ

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 13/01/2014 của Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc trong lĩnh vực y tế

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5438 /QĐ-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 13/01/2014 của Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc trong lĩnh vực y tế, Bộ Y tế ban hành Chương trình hành động của Ngành Y tế thực hiện Nghị quyết trên với những nội dung sau:

I. MỤC TIÊU CHUNG

Xác định, phân công và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chủ yếu nhằm triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã được xác định trong Nghị quyết số 05/NQ-CP của Chính phủ ngày 13/01/2014 nhằm khắc phục các khó khăn, thách thức, tạo thêm sức bật để Việt Nam thực hiện thành công các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc trong lĩnh vực y tế vào năm 2015, đồng thời duy trì bền vững và tiếp tục phát huy các kết quả đạt được sau năm 2015.

II. CÁC MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU CỤ THỂ

TT	Chỉ số	Thực hiện năm 2013	Chỉ tiêu cam kết	Chỉ tiêu năm 2015	Chỉ tiêu năm 2020
	Mục tiêu Thiên niên kỷ số 1:(1c) Giảm một nửa tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng trong thời gian từ 1990 đến 2015				
1	Tỷ lệ suy dinh dưỡng nhẹ cân ở trẻ em <5 tuổi (%)	15,3	20,5	14,5	10,0
	Mục tiêu Thiên niên kỷ số 4:(4a) Giảm 2/3 tỷ lệ tử vong ở trẻ em dưới 5 tuổi trong giai đoạn 1990-2015				
2	Tỷ suất tử vong trẻ em < 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống	23,1	19,3	22,0	16,0
3	Tỷ suất tử vong trẻ em < 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống	15,3	14,8	14,8	11,0
4	Tỷ lệ trẻ em < 1 tuổi được tiêm phòng sởi (%)	90	>90	>90	>95

TT	Chỉ số	Thực hiện năm 2013	Chỉ tiêu cam kết	Chỉ tiêu năm 2015	Chỉ tiêu năm 2020
	Mục tiêu Thiên niên kỷ số 5: (5a) Giảm 3/4 tỷ lệ tử vong ở bà mẹ trong giai đoạn 1990-2015				
5	Tỷ số tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ sống	61,9	58,3	58,3	52,0
6	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ y tế đỡ (%)	97	>95	96	98
	(5b) Đến năm 2015, phổ cập chăm sóc sức khỏe sinh sản.				
7	Tỷ lệ áp dụng biện pháp tránh thai (%)	77,2	82	82	83,4
8	Tỷ lệ mang thai ở tuổi vị thành niên (%)	4,7	-	4,5	4,0
9	Tỷ lệ phụ nữ sinh con được khám thai ít nhất 3 lần trong 3 thời kỳ (%)	80	83	83	>85
10	Tỷ lệ chưa được đáp ứng biện pháp kế hoạch hóa gia đình (%)	6,1	-	5,8	5,5
	Mục tiêu Thiên niên kỷ số 6: (6a) Chặn đứng và bắt đầu thu hẹp sự lây lan của HIV/AIDS vào năm 2015.				
11	Tỷ lệ nhiễm HIV ở nhóm dân số 15 - 24 tuổi (%)	<0,3	<0,3	<0,3	<0,3
12	Tỷ lệ sử dụng bao cao su trong lần quan hệ tình dục gần đây nhất với các loại khách hàng của nhóm phụ nữ bán dâm (%)	90,7	≥80	≥80	≥80
13	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi 15-24 có kiến thức đầy đủ toàn diện về HIV/AIDS(%)	49,9 (2011)	≥ 50	≥ 50	≥ 50
	(6b) Đến năm 2010, mọi đối tượng có nhu cầu đều được điều trị HIV/AIDS.				
14	Tỷ lệ người nhiễm HIV đủ tiêu chuẩn điều trị thuốc kháng virus HIV được điều trị ARV (%)	65	70	70	80
	(6c) Chặn đứng và bắt đầu giảm tỷ lệ mắc bệnh sốt rét, bệnh lao cũng như các bệnh dịch khác vào năm 2015.				
15	Tỷ lệ bệnh nhân mắc sốt rét trên 1.000 dân	0,4	0,35	0,35	0,15
16	Tỷ lệ tử vong do sốt rét trên 100.000 dân	0,019	0,02	0,02	0,02
17	Tỷ lệ hiện mắc lao trên 100.000 dân	209	187	187	131
	Mục tiêu Thiên niên kỷ số 7:(7c) Giảm một nửa tỷ lệ người dân không được tiếp cận thường xuyên với nước sinh hoạt hợp vệ sinh và vệ sinh môi trường được cải thiện vào năm 2015				
18	Tỷ lệ người dân sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh (%)	67	68,5	68,5	75
19	Tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch (%)	94	78,5	95	>95

III. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Nâng cao nhận thức, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo về thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ trong lĩnh vực y tế

- Tăng cường phổ biến sâu rộng về việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ trong lĩnh vực y tế với các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể;

- Các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế thực hiện nghiêm Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-CP của Chính phủ ngày 13/01/2014. Đồng thời tiếp tục tham mưu cho các cấp ủy Đảng các nhiệm vụ, giải pháp, kế hoạch cụ thể đẩy mạnh việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ trong lĩnh vực y tế và đề cao trách nhiệm người đứng đầu trước cấp ủy Đảng trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

- Đưa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể về thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ vào các nghị quyết, chiến lược, chính sách và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và của từng địa phương. Có sự phân công trách nhiệm rõ ràng cho các ban ngành, đoàn thể, đồng thời có cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

- Đẩy mạnh công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ, định kỳ có sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện, tìm nguyên nhân tồn tại để có giải pháp khắc phục kịp thời.

- Huy động sự tham gia và phối hợp của các ban, ngành, đoàn thể, của cộng đồng và từng người dân vào việc xây dựng kế hoạch hoạt động và triển khai thực hiện các hoạt động thực hiện các mục tiêu Thiên niên kỷ liên quan đến dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, phòng chống lao, HIV/AIDS, sốt rét, nước sạch và vệ sinh môi trường.

2. Tăng cường huy động các nguồn đầu tư để thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ về y tế

- Huy động tối đa các nguồn lực để thực hiện thành công các Mục tiêu Thiên niên kỷ vào năm 2015 và duy trì bền vững sau năm 2015:

+ Ngân sách nhà nước: Xây dựng các dự toán ngân sách chi thường xuyên đối với các hoạt động thực hiện các Mục tiêu Thiên niên kỷ, đưa vào các chương trình, dự án phù hợp như các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình cấp Bộ, Triển khai tốt các chính sách hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho người nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số ở các vùng khó khăn và các đối tượng chính sách xã hội thông qua bảo hiểm y tế và các hình thức hỗ trợ trực tiếp khác cho đối tượng thụ hưởng. Đề xuất bổ sung vào danh mục các dịch vụ y tế được bảo hiểm y tế chi trả như dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh, dịch vụ và thuốc phòng chống lao.

+ Viện trợ quốc tế: Tiếp tục huy động sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế để đẩy mạnh thực hiện các Mục tiêu Thiên niên kỷ.

+ Hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước: Thiết lập cơ chế và tạo điều kiện để các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước có thể đóng góp để hỗ trợ cho các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, các biến cố đột xuất như thiên tai, thảm họa,...

- Đầu tư ngân sách có trọng điểm dựa trên các ưu tiên thích hợp với từng vùng, miền và đối tượng.

+ Tập trung kinh phí cho các mục tiêu ưu tiên chưa đạt được như tử vong mẹ và trẻ em, phòng chống lao, HIV/AIDS và duy trì bền vững các mục tiêu khác về y tế;

+ Ưu tiên đầu tư cho khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng khó khăn khác.

3. Đổi mới cơ chế, chính sách và nâng cao năng lực hệ thống y tế

- Củng cố, hoàn thiện và ổn định bộ máy tổ chức ngành y tế từ trung ương đến địa phương, đặc biệt là mạng lưới y tế cơ sở, y tế nông thôn, y tế các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Mở rộng mạng lưới y tế thôn bản, cô đờ thôn bản ở các vùng dân tộc thiểu số và cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình.

- Đảm bảo chế độ chính sách thu hút cán bộ chuyên môn, đặc biệt là cán bộ giỏi, về công tác lâu dài ở các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa. Ban hành quy định về nghĩa vụ xã hội đối với bác sỹ về công tác ở vùng sâu, vùng xa.

- Nâng cao vai trò và năng lực quản lý, lập kế hoạch y tế cả ở trung ương và địa phương thông qua ban hành các biểu mẫu, tiêu chí và công cụ đánh giá kế hoạch, tổ chức các khóa đào tạo về quản lý hệ thống y tế; tăng cường hỗ trợ các địa phương trong xây dựng kế hoạch ngành y tế, đặc biệt các kế hoạch liên quan đến việc thực hiện các Mục tiêu Thiên niên kỷ.

- Củng cố hệ thống thông tin y tế nhằm tạo nguồn dữ liệu đầy đủ, chính xác cho các chương trình can thiệp, chương trình hành động hoạt động hiệu quả. Tổ chức các lớp tập huấn về tổng hợp, phân tích và xử lý số liệu cho các tuyến tỉnh, huyện, xã. Tăng cường phối hợp và hỗ trợ Tổng cục thống kê mở rộng cỡ mẫu điều tra hàng năm để có được số liệu chính xác hơn và phân tích chi tiết đến từng đơn vị tỉnh/thành phố nhằm theo dõi tiến độ và phục vụ cho công tác dự báo, xây dựng kế hoạch.

- Đẩy mạnh lồng ghép trong việc thực hiện các hoạt động, các chương trình dự án.

4. Giải pháp về triển khai có hiệu quả các các giải pháp chuyên môn kỹ thuật để đạt được các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ về y tế

a) Về giảm suy dinh dưỡng trẻ em (Mục tiêu thiên niên kỷ số 1)

- Nghiên cứu xây dựng các chương trình, dự án và các giải pháp can thiệp đặc hiệu góp phần cải thiện tình trạng dinh dưỡng, nâng cao thể lực và thể chất của người dân phù hợp theo vùng/miền, ưu tiên cho những vùng nghèo, khó khăn, dân tộc thiểu số và các nhóm đối tượng có nguy cơ khác:

+ Thực hiện chăm sóc dinh dưỡng sớm (dinh dưỡng cho phụ nữ trước khi mang thai, trong thời gian mang thai và trẻ em dưới 2 tuổi) theo định hướng dự phòng. Phần đầu đạt chỉ tiêu tỷ lệ chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng hợp lý cho bà mẹ trước, trong và sau khi sinh con đạt 85% , tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu đạt 30% vào năm 2015.

+ Tăng cường các giải pháp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng cho các đối tượng có nguy cơ: bổ sung vitamin A liều cao cho trẻ 6-60 tháng tuổi, bổ sung viên sắt folic/đa vi chất cho phụ nữ có thai, phụ nữ tuổi sinh đẻ và cho trẻ dưới 5 tuổi; bổ sung kẽm cho trẻ bị tiêu chảy, tăng cường vi chất vào thực phẩm...

+ Chăm sóc và điều trị cho trẻ bị suy dinh dưỡng : Bổ sung các sản phẩm giàu chất dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng nặng được điều trị trong các cơ sở y tế. Xây dựng và phổ biến phác đồ điều trị suy dinh dưỡng nặng trong các cơ sở điều trị nhi khoa. Theo dõi biểu đồ tăng trưởng của trẻ dưới 5 tuổi và tư vấn dinh dưỡng giúp trẻ tăng trưởng tốt.

+ Kiểm soát tình trạng thừa cân béo phì và các bệnh mạn tính không lây liên quan đến dinh dưỡng.

+ Đảm bảo an ninh lương thực hộ gia đình thông qua các biện pháp tăng cường tạo nguồn thực phẩm tại chỗ.

- Xây dựng và hoàn thiện các chính sách, quy định liên ngành về dinh dưỡng và thực phẩm: Quy định về sản xuất, kinh doanh và sử dụng sản phẩm dinh dưỡng dùng cho phụ nữ mang thai và trẻ nhỏ; Chính sách hỗ trợ và thúc đẩy nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu và cho trẻ ăn bổ sung hợp lý; Chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư sản xuất và cung ứng các sản phẩm dinh dưỡng; Chính sách hỗ trợ thực phẩm, bột dinh dưỡng cho vùng nghèo, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là phụ nữ có thai, trẻ em dưới 5 tuổi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trong đó có đáp ứng nhanh về dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp.

- Củng cố hệ thống giám sát dinh dưỡng tại cộng đồng và tại các cơ sở y tế. Xây dựng bộ chỉ tiêu giám sát dinh dưỡng cho cả tình trạng thiếu dinh dưỡng, các bệnh chuyển hóa liên quan đến dinh dưỡng, tình trạng thừa dinh dưỡng và các bệnh chuyển hóa liên quan đến dinh dưỡng. Xây dựng kế hoạch cụ thể để đáp ứng kịp thời trong tình trạng khẩn cấp, hỗ trợ các sản phẩm giàu dinh dưỡng, thích hợp cho người dân, đặc biệt là các bà mẹ, trẻ em các vùng bị thiên tai, bão lụt.

b) Về giảm tử vong trẻ em và nâng cao sức khỏe bà mẹ (Mục tiêu thiên niên kỷ số 4 và 5)

- Phát triển nguồn nhân lực:

+ Tăng cường đào tạo bác sỹ chuyên khoa phụ sản, chuyên khoa nhi, đặc biệt chú trọng hình thức đào tạo bác sỹ chuyên khoa sơ bộ để nhanh chóng bổ sung lực lượng cán bộ chuyên khoa hiện đang rất thiếu. Đào tạo đội ngũ cán bộ y tế trực tiếp làm công tác đỡ đẻ tại tất cả các cơ sở y tế trong và ngoài công lập theo hướng đạt tiêu chuẩn Người đỡ đẻ có kỹ năng khu vực ASEAN nhằm nâng cao năng lực sản khoa và chăm sóc sơ sinh cho cán bộ y tế.

+ Đào tạo và giám sát hỗ trợ sau đào tạo nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến xã và đội ngũ nhân viên y tế thôn bản về dự phòng và xử trí một số bệnh thường gặp ở trẻ em như viêm phổi, tiêu chảy..., phòng chống tai nạn thương tích ở trẻ em, nâng cao chất lượng công tác khám thai phát hiện nguy cơ, chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh trước, trong và sau đẻ.

+ Tiếp tục đào tạo cô đỡ thôn bản cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn, nơi tập quán đẻ tại nhà còn phổ biến nhằm hạn chế thấp nhất tỷ lệ phụ nữ đẻ không được nhân viên y tế đỡ qua đào tạo đỡ.

+ Xây dựng và ban hành các chương trình đào tạo và tài liệu hướng dẫn chuyên môn phục vụ cho công tác đào tạo liên tục nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ y tế các tuyến về chăm sóc sức khỏe bà mẹ – trẻ em.

- Nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ – trẻ em cho cơ sở y tế các tuyến:

+ Tăng cường sự vai trò của của trạm y tế xã trong việc quản lý, giám sát hỗ trợ đội ngũ y tế thôn, bản, cô đỡ thôn, bản nhằm nâng cao tỷ lệ khám thai, quản lý thai nghén, chăm sóc bà mẹ và sơ sinh tại nhà sau đẻ.

+ Tăng cường năng lực và sự phối hợp của các tuyến trong việc chuyển tuyến cấp cứu an toàn cho bà mẹ và trẻ em.

+ Xây dựng quy trình chăm sóc sức khỏe bà mẹ và sơ sinh thiết yếu trong và ngay sau đẻ dựa trên khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới (WHO), triển khai rộng rãi trên toàn quốc nhằm tăng tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong giờ đầu sau đẻ, giảm tỷ lệ tai biến sản khoa, giảm tử vong bà mẹ và tử vong sơ sinh.

+ Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, bổ sung nhân lực và đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ y tế chuyên ngành sản, nhi cho các bệnh viện huyện thuộc vùng khó khăn về địa lý để triển khai đơn nguyên sơ sinh và thực hiện được các dịch vụ mổ đẻ, truyền máu, xử trí cấp cứu tai biến sản khoa theo đúng hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Nhân rộng các mô hình can thiệp có hiệu quả tại cộng đồng:

+ Mô hình "chuyên tuyến dựa vào cộng đồng": Thiết lập các nhóm chuyên tuyến dựa vào cộng đồng tại các thôn, bản, vùng đặc biệt khó tiếp cận. Hỗ trợ phương tiện, dụng cụ, đào tạo cho các thành viên trong nhóm về thông tin liên lạc, sơ cứu, vận chuyển bà mẹ và trẻ sơ sinh an toàn đến cơ sở y tế.

+ Mô hình "ngôi nhà an toàn, lớp học an toàn, cộng đồng an toàn cho trẻ em": phòng chống tai nạn thương tích ở trẻ em tại cộng đồng: Xây dựng cộng đồng an toàn, tập trung vào các loại tai nạn thương tích có nguy cơ tử vong cao. Nâng cao năng lực chăm sóc chấn thương trước viện, tại viện cho cán bộ y tế, giáo viên mầm non, cộng tác viên nhằm giảm tử vong và thương tích nặng.

+ Triển khai rộng rãi trên toàn quốc Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ – trẻ em dựa trên kinh nghiệm của 4 tỉnh được Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) hỗ trợ nhằm tăng cường quản lý sức khỏe bà mẹ - trẻ em và duy trì sự chăm sóc liên tục theo vòng đời của từng trẻ và liên tục từ gia đình đến cơ sở y tế các tuyến.

+ Tiếp tục tăng cường công tác tiêm chủng mở rộng nhằm dự phòng chủ động các bệnh truyền nhiễm phổ biến, nguy hiểm cho trẻ em dưới năm tuổi bằng vắc-xin.

- Tăng cường tính sẵn có, chất lượng của mạng lưới dịch vụ kế hoạch hóa và sự tiếp cận của người dân, hạn chế tình trạng có thai ngoài ý muốn và phá thai, loại trừ phá thai không an toàn, bất hợp pháp.

+ Bổ sung nhân lực, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng thực hành cho nhân viên cung cấp dịch vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe sinh sản theo phân cấp và phân tuyến kỹ thuật. Đào tạo và cập nhật kiến thức cho đội ngũ cán bộ cung cấp dịch vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe sinh sản. Chú trọng kỹ năng tư vấn và giáo dục sức khỏe cho cộng đồng; bình đẳng giới; phòng tránh và phát hiện sớm các bệnh nhiễm khuẩn, ung thư đường sinh sản; chăm sóc bà mẹ trước, trong và sau khi sinh; chăm sóc sơ sinh và trẻ em; kết hợp các dịch vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe sinh sản với dịch vụ chăm sóc người có HIV.

+ Bổ sung, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, dụng cụ y tế cho các điểm cung cấp dịch vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe sinh sản, đảm bảo các yêu cầu về quy trình và phân tuyến kỹ thuật, ưu tiên tuyến cơ sở và khu vực khó khăn. Chú trọng đảm bảo các phương tiện vận chuyển, trang thiết bị và dụng cụ y tế để đưa dịch vụ đến tận người dân và chuyên tuyến ở những địa bàn khó khăn về giao thông.

+ Cải tiến phương thức cung cấp dịch vụ theo hướng thân thiện, lấy khách hàng làm trung tâm; khuyến khích ứng dụng các kết quả nghiên cứu, tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ vào cung cấp dịch vụ.

+ Tăng cường công tác dự báo, chủ động cân đối đủ nhu cầu phương tiện tránh thai và hàng hóa sức khỏe sinh sản, bao gồm cả bao cao su cho kế hoạch hóa gia đình và phòng chống HIV/AIDS. Hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý hậu cần phương tiện tránh thai và hàng hóa sức khỏe sinh sản trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin.

- Từng bước triển khai công tác sàng lọc trước sinh nhằm hạ thấp tỷ lệ sơ sinh dị tật. Đẩy mạnh công tác thẩm định tử vong mẹ, từng bước triển khai thí điểm tử vong sơ sinh để xác định nguyên nhân và có giải pháp can thiệp phù hợp.

+ Tập trung chỉ đạo, ưu tiên đầu tư cho các dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán, điều trị sớm một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh nhằm tạo bước đột phá trong các hoạt động góp phần nâng cao chất lượng dân số. Trong giai đoạn đầu, tập trung sàng lọc những bệnh, tật có tỷ lệ mắc cao; từng bước mở rộng chương trình, tiến tới mở rộng cung cấp các dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh trên phạm vi cả nước, đưa các dịch vụ này trở thành thường quy tại các cơ sở y tế.

+ Xây dựng và cập nhật quy trình, quy chuẩn, lựa chọn kỹ thuật sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh. Đào tạo tập huấn chuyên môn kỹ thuật và tư vấn cho cán bộ nhân viên y tế có đủ kiến thức và kỹ năng về sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh; đào tạo tập huấn cho cộng tác viên dân số và nhân viên y tế thôn bản thực hiện tuyên truyền, vận động tại cộng đồng.

+ Xây dựng và kiện toàn các trung tâm sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh tại các vùng, miền, khu vực, các đơn nguyên sàng lọc trước sinh và sơ sinh tại các bệnh viện tuyến tỉnh. Từng bước chuyển giao kỹ thuật sàng lọc cho tuyến tỉnh và đưa sàng lọc trước sinh và sơ sinh trở thành một nội dung của chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em. Tổ chức theo dõi, điều trị phù hợp tại các tuyến.

+ Đầu tư công nghệ, từng bước phát triển, lồng ghép các dịch vụ tư vấn và kiểm tra sức khỏe tiền hôn nhân và khi phụ nữ chuẩn bị mang thai với các hoạt động cung cấp thông tin và dịch vụ cho người chưa thành niên, thanh niên và các hoạt động can thiệp giảm thiểu tảo hôn, kết hôn cận huyết thống, sinh con trước tuổi thành niên.

c) Về phòng chống HIV/AIDS (Mục tiêu Thiên niên kỷ số 6a và 6b)

- Tiếp tục duy trì và mở rộng các hoạt động can thiệp giảm tác hại cho các nhóm nguy cơ cao, đẩy mạnh triển khai các gói dịch vụ toàn diện cho nhóm nguy cơ cao, tập trung triển khai ở các khu vực trọng điểm nguy cơ cao về dịch HIV. Chú trọng nhóm nghiện chích ma túy và vợ, bạn tình của nhóm nghiện chích ma túy, đặc biệt đẩy nhanh mức độ bao phủ chương trình methadone, triển khai các điểm cấp phát thuốc methadone vệ tinh.

- Đa dạng hóa mô hình tư vấn và xét nghiệm HIV, chú trọng mở rộng dịch vụ tư vấn và xét nghiệm HIV ở các khu vực có dịch HIV cao. Lồng ghép tư vấn và xét nghiệm HIV vào dịch vụ điều trị Methadone, điều trị ARV và các dịch vụ y tế

khác. Triển khai các hoạt động tư vấn xét nghiệm HIV lưu động tại khu vực vùng sâu, vùng xa, nơi có dịch HIV cao. Sử dụng các kỹ thuật xét nghiệm nhanh, rút ngắn thời gian trả kết quả xét nghiệm HIV, tăng cường chất lượng chuyển gửi những người có kết quả xét nghiệm HIV dương tính đăng ký dịch vụ chăm sóc và điều trị ARV.

- Tăng cường các biện pháp xét nghiệm phát hiện sớm phụ nữ mang thai nhiễm HIV, triển khai theo dõi và điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con bằng các phác đồ tối ưu, theo dõi xét nghiệm sớm cho trẻ em sinh ra từ mẹ nhiễm HIV, điều trị dự phòng cho con.

- Mở rộng điều trị ARV cho nhóm nguy cơ cao nhiễm HIV không cần quan tâm đến tiêu chuẩn CD4. Điều trị sớm là biện pháp dự phòng, áp dụng mô hình điều trị không quan tâm đến tiêu chuẩn CD4 cho khu vực miền núi, nơi điều kiện tiếp cận dịch vụ xét nghiệm CD4 khó khăn và dịch HIV đang có xu hướng gia tăng, phân cấp điều trị ARV, triển khai cấp phát thuốc tại xã phường.

- Xây dựng mô hình giám sát dịch HIV/AIDS chủ động, phát hiện sớm các khu vực có nguy cơ lây nhiễm HIV cao. Nâng cao năng lực hệ thống giám sát dịch HIV/AIDS, đảm bảo chất lượng số liệu và tính sẵn có số liệu quần thể nguy cơ cao.

- Huy động mọi nguồn lực và sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, mỗi người dân và cộng đồng vào các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS.

d) Về phòng chống sốt rét, bệnh lao và các dịch bệnh khác (Mục tiêu Thiên niên kỷ số 6c):

- Tăng cường các biện pháp phát hiện bệnh sốt rét sớm, điều trị kịp thời, đúng phác đồ, trong đó chú trọng việc phát triển và duy trì hoạt động có hiệu quả các điểm kính hiển vi tại xã, liên xã. Tăng cường các biện pháp giám sát, quản lý ca bệnh sốt rét, đặc biệt tại các khu vực ký sinh trùng sốt rét kháng Artemisinin và dẫn xuất và vùng có nguy cơ cao lan truyền ký sinh trùng sốt rét kháng Artemisinin và dẫn xuất. Cập nhật thông tin về chẩn đoán và điều trị bệnh sốt rét theo hướng dẫn của Tổ chức Y tế thế giới và thực tế điều trị bệnh sốt rét tại Việt Nam.

- Bảo đảm cung cấp đủ và quản lý tốt thuốc chữa bệnh sốt rét có hiệu lực cao, thuốc phối hợp có dẫn xuất Artemisinin và các thuốc chữa bệnh sốt rét khác cho các tuyến. Cung cấp miễn phí màn và màn võng có tẩm hóa chất diệt muỗi tồn lưu dài cho người dân sống trong vùng có bệnh sốt rét lưu hành nặng và vừa, bao gồm cả dân di cư tự do, dân qua lại biên giới, hộ gia đình nghèo ở các vùng có bệnh sốt rét lưu hành nhẹ; vận động dân tự mua màn và ngủ màn thường xuyên.

- Tổ chức phân vùng dịch tễ bệnh sốt rét; tăng cường giám sát mật độ, sự phân bố và kháng hóa chất diệt côn trùng của muỗi truyền bệnh sốt rét; cung cấp và áp dụng các biện pháp phòng chống muỗi truyền bệnh sốt rét; lồng ghép biện pháp phòng chống muỗi truyền bệnh sốt rét với phòng chống muỗi truyền các bệnh khác.

- Tăng cường phát hiện lao sớm và điều trị có hiệu quả bệnh lao. Các cơ sở y tế có trách nhiệm cung cấp dịch vụ khám phát hiện, chẩn đoán, điều trị, dự phòng, quản lý và báo cáo bệnh lao cho Dự án phòng chống lao quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Các cơ sở y tế chuyên khoa lao và bệnh phổi các tuyến chủ trì, phối hợp với các cơ sở y tế đa khoa, chuyên khoa khác và y tế ngoài công lập bảo đảm hướng dẫn, giám sát việc cung cấp dịch vụ khám phát hiện, chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh lao có chất lượng cho mọi người dân.

- Đẩy mạnh việc áp dụng các kỹ thuật mới vào khám phát hiện, chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh lao. Xây dựng kế hoạch để chủ động tiếp cận các kỹ thuật đã được Tổ chức Y tế thế giới khuyến cáo sử dụng nhằm phổ cập dịch vụ khám phát hiện, điều trị và dự phòng bệnh lao toàn diện cũng như sử dụng tối ưu các kỹ thuật truyền thống để khám, chữa và phòng bệnh lao đạt hiệu quả trong điều kiện Việt Nam. Nâng cao năng lực giám sát dịch tễ bệnh lao và đánh giá hiệu quả của công tác phòng chống lao các tuyến.

- Nghiên cứu, triển khai thí điểm áp dụng các mô hình tiếp cận mới trước khi triển khai phổ cập các dịch vụ phòng, chống lao cho người dân thông qua hệ thống y tế công lập và ngoài công lập với sự tham gia của các tổ chức, đoàn thể và cộng đồng. Thường xuyên rà soát, đánh giá các mô hình đã được thí điểm, nếu có hiệu quả cao, chủ động triển khai nhân rộng nhằm tăng khả năng cung ứng dịch vụ cũng như tạo điều kiện để người dân tiếp cận với các dịch vụ khám, chữa bệnh lao có chất lượng hơn.

- Chủ động triển khai công tác phòng chống dịch, duy trì công tác giám sát dịch tễ thường xuyên, tăng cường giám sát tại các cửa khẩu nhằm phát hiện các trường hợp dịch bệnh xâm nhập, giảm thiểu việc lây truyền các dịch bệnh nguy hiểm. Xây dựng các phương án, tình huống ứng phó với dịch bệnh trình Chính phủ phê duyệt làm cơ sở cho các địa phương thực hiện.

e) Về nước sạch và vệ sinh môi trường (Mục tiêu Thiên niên kỷ số7)

- Tiếp tục xây dựng, sửa đổi, bổ sung để hoàn chỉnh hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường y tế nói chung và vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và quản lý chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt nói riêng.

- Phối hợp tốt với ban, ngành trung ương, chính quyền các cấp trong việc chỉ đạo các ngành, đoàn thể quần chúng tại địa phương, thực hiện tốt việc đôn đốc, theo dõi, kiểm tra các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường, công tác quản lý môi trường y tế, triển khai có hiệu quả phong trào vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Tạo môi trường chính sách và thể chế thuận lợi, tăng cường năng lực triển khai và quản lý của các tổ chức cấp quốc gia và cấp địa phương cho công tác vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, đặc biệt trong việc thúc đẩy tỷ lệ bao phủ nhà tiêu hợp vệ sinh, rửa tay xà phòng và chấm dứt đi tiêu bừa bãi.

- Xây dựng và triển khai một chương trình vận động chính sách cấp tỉnh và quốc gia dành cho các cán bộ công chức nhà nước và những người có tầm ảnh hưởng trong cộng đồng; tăng cường nhận thức của các cấp chính trị về tầm quan trọng của vệ sinh nông thôn, đưa mục tiêu xóa bỏ tình trạng phóng uế bừa bãi vào các tiêu chí phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường tài trợ cho lĩnh vực này.

- Xây dựng và triển khai một chiến lược truyền thông thay đổi hành vi hiệu quả ở cấp quốc gia và địa phương nhằm tăng cường việc sử dụng nhà tiêu và rửa tay; nâng cao năng lực với các nội dung chính như tiếp thị vệ sinh, các phương pháp truyền thông thay đổi hành vi có sự tham gia của cộng đồng,...

- Hỗ trợ sự tham gia của khu vực tư nhân vào cung cấp dịch vụ vệ sinh, bao gồm các ưu đãi và chiến lược hỗ trợ chuỗi cung cấp và tiếp thị vệ sinh và các biện pháp khác nhằm tạo môi trường thuận lợi để xây dựng nhà tiêu/vệ sinh chi phí thấp, có thể được điều chỉnh cho phù hợp với các khu vực và phong tục khác nhau.

- Tăng cường đầu tư phát triển khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại cho lĩnh vực vệ sinh môi trường, đặc biệt là nhà tiêu hợp vệ sinh, công tác giám sát chất lượng nước ăn, uống, sinh hoạt tại các tỉnh, thành phố.

- Chất lượng nước ăn, uống, sinh hoạt được kiểm tra, giám sát và có biện pháp xử lý.

f) Truyền thông giáo dục sức khỏe (Tất cả các Mục tiêu)

- Đẩy mạnh công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng để mỗi người, mỗi gia đình, mỗi cộng đồng, đặc biệt là đồng bào các dân tộc thiểu số có kiến thức cơ bản, có thể chủ động phòng bệnh, bảo vệ và nâng cao sức khỏe, thay đổi các lối sống, tập quán có hại cho sức khỏe.

- Đổi mới nội dung, phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe, chú trọng vào truyền thông trực tiếp tại hộ gia đình thông qua mạng lưới nhân viên y tế thôn bản.

- Nâng cao năng lực truyền thông giáo dục sức khỏe các tuyến. Tập huấn, bồi dưỡng về kiến thức và kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe cho các truyền thông viên, cán bộ y tế xã và y tế thôn bản. Các trạm y tế xã có phòng truyền thông giáo dục sức khỏe – tư vấn lồng ghép, có đủ tài liệu và trang thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu hoạt động.

5. Giải pháp về tăng cường hợp tác quốc tế

- Việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ phải trở thành trọng tâm trong công tác tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực y tế nhằm vận động sự hỗ trợ cả về tài chính, kỹ thuật và kinh nghiệm của các tổ chức quốc tế đối với Việt Nam.

- Xây dựng các nội dung hoạt động và triển khai thực hiện việc phối hợp với các nước có chung đường biên giới trong phòng chống các bệnh dịch HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh dịch nguy hiểm khác.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng Bộ Y tế chỉ đạo chung việc thực hiện Chương trình hành động của Bộ, chịu trách nhiệm trước Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về những nội dung nhiệm vụ của Bộ được Chính phủ giao, bảo đảm thực hiện một cách kịp thời và hiệu quả những nội dung của Chương trình hành động.

Các Thứ trưởng Bộ Y tế có trách nhiệm chỉ đạo các nội dung công việc theo lĩnh vực được Bộ trưởng phân công phụ trách.

2. Trên cơ sở những nhiệm vụ, nội dung công việc chủ yếu trong Chương trình hành động này và Phụ lục kèm theo, căn cứ chức năng, nhiệm vụ đã được phân công, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng kế hoạch hành động của lĩnh vực, địa phương mình, báo cáo Bộ trưởng Bộ Y tế trước ngày 31/01/2015.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này đảm bảo về thời gian, chất lượng và hiệu quả công việc. Định kỳ hàng quý, 6 tháng và cả năm có báo cáo Bộ trưởng Bộ Y tế tình hình thực hiện; đồng thời gửi Vụ Kế hoạch – Tài chính để theo dõi và tổng hợp.

4. Vụ Kế hoạch – Tài chính: Trên cơ sở nội dung công việc được giao của các đơn vị trong Bộ, phối hợp với Văn phòng Bộ tiến hành theo dõi, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện Chương trình hành động này; tổng hợp báo cáo kiến nghị lãnh đạo Bộ các biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm Chương trình được thực hiện hiệu quả.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình hành động này, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể của Chương trình, tổng hợp ý kiến của các đơn vị và chủ động báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định./.

**PHỤ LỤC: DANH MỤC CÁC ĐỀ ÁN, CHÍNH SÁCH THUỘC CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA
NGÀNH Y TẾ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 05/NQ-CP NGÀY 13/01/2014 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm, kết quả đầu ra
1	Đề án Thực hiện các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ về chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em (Mục tiêu thiên niên kỷ số 1, 4 và 5)	Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em	Viện Dinh dưỡng, Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và các vụ, cục, đơn vị liên quan	Quý 1/2015	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế
2	Đề án Thực hiện các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ về phòng chống HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh dịch khác, đảm bảo bền vững về môi trường (Mục tiêu thiên niên kỷ số 6 và 7)	Cục Y tế dự phòng	Cục Quản lý khám chữa bệnh, Cục Phòng chống HIV/AIDS, Cục Quản lý môi trường y tế và các vụ, cục, đơn vị liên quan	Quý 1/2015	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế
	Giảm suy dinh dưỡng trẻ em				
3	Nghị định về tăng cường vi chất dinh dưỡng	Cục An toàn thực phẩm	Các vụ, cục và đơn vị liên quan	Quý 1/2015	Nghị định của Chính phủ
4	Nghị định thay thế Nghị định 21/2006/NĐ-CP về kinh doanh và sử dụng các sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ	Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em	Vụ Pháp chế	Quý 1/2015	Nghị định của Chính phủ

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm, kết quả đầu ra
5	Chương trình sữa học đường	Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em	Các vụ, cục và đơn vị liên quan	Quý 1/2015	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
	Giảm tử vong trẻ em và nâng cao sức khỏe bà mẹ				
6	Chính sách hỗ trợ sức khỏe phụ nữ ở vùng sâu, vùng xa, người dân tộc thiểu số	Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Các vụ, cục và đơn vị liên quan	Quý 1/2015	Nghị định của Chính phủ
7	Hướng dẫn thẩm định tử vong mẹ (cập nhật Quyết định số 4236/QĐ-BYT ngày 02/11/2010)	Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em	Các vụ, cục và đơn vị liên quan	Quý 1/2015	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế
8	Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản (cập nhật Quyết định số 4620/QĐ-BYT ngày 25/11/2009)	Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em	Các vụ, cục và đơn vị liên quan	Quý 1/2015	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế
	Phòng chống HIV/AIDS				
9	Đề án điều trị ARV giai đoạn 2016-2020	Cục Phòng chống HIV/AIDS	Các vụ, cục và đơn vị liên quan	Quý 3/2015	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế
10	Bộ chỉ số theo dõi và đánh giá chương trình phòng, chống HIV/AIDS (Sửa đổi Quyết định số 04/2007/QĐ-BYT)	Cục Phòng chống HIV/AIDS	Các vụ, cục và đơn vị liên quan	Quý 1/2015	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế
11	Chương trình phối hợp tăng cường phòng, chống HIV/AIDS cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Cục Phòng chống HIV/AIDS	Các vụ, cục và đơn vị liên quan	Quý 1/2015	Biên bản ghi nhớ giữa Bộ Y tế - Bộ Quốc Phòng - Ủy ban dân tộc
	Phòng chống sốt rét, bệnh lao và các dịch bệnh khác				
12	Hướng dẫn vận chuyển qua biên giới đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người	Cục Y tế dự phòng	Các vụ, cục và đơn vị liên quan	Quý 1/2015	Thông tư của Bộ Y tế

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm, kết quả đầu ra
13	Hướng dẫn chế độ khai báo, thông tin, báo cáo bệnh truyền nhiễm	Cục Y tế dự phòng	Các vụ, cục và đơn vị liên quan	Quý 1/2015	Thông tư của Bộ Y tế
14	Xây dựng cơ chế dự trữ trang thiết bị, vật tư, thuốc, hóa chất, vắc xin và sinh phẩm đảm bảo an ninh y tế, chủ động triển khai các biện pháp phòng chống dịch kịp thời các bệnh dịch khẩn cấp, bệnh dịch nguy hiểm, bệnh dịch mới phát sinh	Cục Y tế dự phòng	Các vụ, cục và đơn vị liên quan	Quý 1/2015	Thông tư của Bộ Y tế
Nước sạch và vệ sinh môi trường					
15	Hướng dẫn kiểm tra, giám sát chất lượng nước ăn uống và sinh hoạt	Cục Quản lý môi trường y tế	Các vụ, cục và đơn vị liên quan	Quý 1/2015	Thông tư của Bộ Y tế
16	Hướng dẫn kiểm tra, giám sát nhà tiêu hợp vệ sinh hộ gia đình.	Cục Quản lý môi trường y tế	Các vụ, cục và đơn vị liên quan	Quý 1/2015	Thông tư của Bộ Y tế